

Bản án số: 86/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2025

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN
NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương văn Cầu

2. Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng- Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thắm, sinh năm: 1974 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Vĩnh Thới, xã Vĩnh H, huyện Châu Th, An Giang

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Vĩnh Thới, xã Vĩnh H, huyện Châu Th, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 03/02/2025 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông H tìm hiểu tiến tới hôn nhân 1994; có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn số 50 ngày 24/7/2001 tại UBND xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình bên chồng (cha mẹ ruột ông H) đến năm 1999 khi bà sinh cháu Cẩm T vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do ông H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài. Sau đó, vợ chồng cự cãi, không hạnh phúc. Bản thân bà nhiều lần bà khuyên chồng; cho ông H cơ hội vì gia đình và các con để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Khi về chung sống thì ông H vẫn không thay đổi. Bà cố gắng chịu đựng vì con; đến năm 2024 bà bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không ai có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung Lê Hoài Ph sinh ngày 13/6/1995 và Lê Thị Cẩm T sinh ngày 25/11/1999; Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Văn H vắng mặt trong quá trình tố tụng

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thvẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H;

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Văn H vắng mặt tại phiên tòa không tham gia tố tụng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về việc chấp hành pháp luật:* trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

1.1 *Về quan hệ tranh chấp:* Bà Huỳnh Thị Th có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự

1.2 *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ phiếu xác minh về nơi cư trú của đương sự do Công xã Vĩnh Hanh xác nhận: “Ông Lê văn H có đăng ký thường trú tại ấp Vĩnh Thới, xã Vĩnh H, huyện Châu Th, An Giang; hiện ông H không có mặt tại địa phương”. Tòa án căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng thực hiện theo quy định tại Điều 179 BLTTDS 2015. Ông H không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

2.1 Về hôn nhân: giữa bà Thvà ông H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hanh , huyện Châu Thành, An Giang số 50 ngày 24/7/2001 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà. Mục đích tạo điều kiện cho ông bà đoàn tụ; nhưng bà Thvẫn giữ yêu cầu ly hôn; ông H không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án. Ông H không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70,72 BLTTDS. Điều này thể hiện cả hai không ai muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Giữa ông bà đã ly thân một thời gian dài từ năm 2024 cho đến nay, trong khoảng thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Như vậy cả ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ,

chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của bà Thốc căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có 02 con chung Lê Hoài Ph sinh ngày 13/6/1995 và Lê Thị Cẩm T sinh ngày 25/11/1999; Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động. HĐXX không xem xét

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Thlà nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Bà Thắm, ông H có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thắm; Bà Thước ly hôn với ông Lê Văn H

3.Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4.Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008039 ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Thốc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tuyên án (ngày 20/5/2025); Riêng ông Lê Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng Ttra, Kiểm tra và THA Tòa án tỉnh AG
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang